

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/DS-ST
Ngày 17-9-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Cao Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc Công

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 N, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S (theo Giấy ủy quyền số 243/2023/UQ-SVN ngày 11/10/2023). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 202 L, khu phố 9, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy P, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/07/2022, ông Nguyễn Duy P có đến Công ty TNHH S chi nhánh Phan Rang (nay là Công ty Cổ phần S (sau đây, gọi tắt là Công ty SAWAD)) để ký hợp đồng cầm cố số P2M220701017NA17X kèm theo phụ lục hợp đồng cầm cố có nội dung: Ông Nguyễn Duy P có cầm cố tài sản cho Công ty SAWAD tài sản là: Xe máy

+ Nhãn hiệu xe: HONDA

+ Loại xe: WINNER

+ Số khung: RLHKC2605GY302396

+ Số máy: KC26E1149186 + Biển số: 85B1-583.94

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số : 008577

Do Công an tỉnh Phan Rang- Tháp Chàm cấp ngày 05/10/2018

Số tiền cầm cố tài sản: 14.000.000 đồng. (Mười bốn triệu đồng)

Thời hạn cầm cố: 12 (mười hai) tháng; lãi, phí trả 1.585.528,79 đồng hàng tháng 01 lần vào ngày 12 tây Lãi suất cầm cố là: 1.1%/tháng. Và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận các bên tại hợp đồng cầm cố. Ngoài ra, khi thanh toán quá hạn Ông P còn phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt vi phạm 8% nghĩa vụ vi phạm.

Cùng ngày, ông P đã ký Giấy ủy quyền cho Công ty SAWAD được thay mặt ông “*quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng của tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác tài sản)*”. Đồng thời, do không có phương tiện đi lại nên ông Nguyễn Duy P đã ký Giấy mượn xe với Công ty SAWAD để mượn lại chiếc xe biển số: 85B1-583.94 đã cầm cố, thời hạn mượn là 30 tháng ngày (từ ngày 12/7/2022 đến 12/8/2022). Công ty SAWAD đồng ý và đã giao tài sản cầm cố là chiếc xe cho ông P quản lý, sử dụng trong thời hạn nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Duy P có thanh toán vào các ngày 10/8/2022; 14/9/2022 với số tiền 3.172.000 đồng; trong đó bao gồm: 2.152.138,04 đồng tiền gốc; 296.257 đồng tiền lãi; 134.662 đồng phí quản lý; 588.000 đồng tiền mượn xe. Sau đó, ông Nguyễn Duy P không thanh toán cho Công ty SAWAD dù nhân viên Công ty đã nhiều lần gọi điện, gặp trực tiếp để yêu cầu ông Nguyễn Duy P thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của công ty nhưng ông P vẫn không hợp tác, cố ý lẩn tránh không thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố đã mượn của công ty theo giấy mượn xe ngày 12/07/2022.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Duy P phải giao trả lại chiếc xe hiệu Honda WINER mang biển số 85B1-583.94, số khung: RLHKC2605GY302396, số máy: KC26E1149186 đã cầm cố mà ông P mượn lại của Công ty CP S, phí hao mòn tài

sản 294.000 đồng/tháng để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp ông Nguyễn Duy P không thể trả lại xe cầm cố thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi, phí tại thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố tài sản cho Công ty CP S.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc ông Buộc ông Nguyễn Duy P phải giao trả lại chiếc xe hiệu Honda WINER mang biển số 85B1-583.94 đã cầm cố; số tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng tương ứng số tiền: 333.570,61 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng (8%) tương ứng số tiền: 6.461.088 đồng.

Giữ nguyên yêu cầu buộc ông Duy P có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi tại thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố tài sản với khoản tiền tạm tính đến ngày 17/9/2024 là: 20.122.242 đồng, gồm tiền gốc: 11.847.862 đồng; lãi trong hạn: 1,1 %/tháng: 733.855 đồng; lãi suất quá hạn hợp đồng: 4.600.525 đồng; Phí mượn xe: 2.940.000 đồng.

Sau khi ông P thanh toán hết nợ, Công ty đồng ý trả lại bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008577 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/10/2018 cho ông P.

Bị đơn ông Nguyễn Duy P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông P không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều: 309, 310, 311, 313, 316, 463, 466, 468, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Duy P thanh toán số tiền còn nợ, tiền lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản; yêu cầu trả lại tài sản đã mượn và thanh toán phí hao mòn; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Duy P. Ông P không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc ông Nguyễn Duy P phải giao trả lại chiếc xe hiệu Honda WINER mang biển số 85B1-583.94 đã cầm cố; số tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng tương ứng số tiền: 333.570,61 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng (8%) tương ứng số tiền: 6.461.088 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Ngày 12/7/2022, ông Nguyễn Duy P có ký với Công ty TNHH S Việt Nam chi nhánh Phan Rang (*nay là Công ty Cổ phần S*) phiếu đăng ký cầm cố xe máy; hợp đồng cầm cố P2M220701017NA17X kèm theo phụ lục hợp đồng cầm cố. Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần S đã giải ngân

cho ông P số tiền: 14.000.000 đồng và Công ty nhận bảo đảm khoản tiền vay đã giải ngân thông qua việc cầm cố xe hiệu Honda WINER mang biển số 85B1-583.94, số khung: RLHKC2605GY302396, số máy: KC26E114918 do ông P đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông P có ký giấy mượn lại chiếc xe nêu trên và được phía Công ty chấp nhận.

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn xe được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung hợp đồng cầm cố:

Công ty Cổ phần S có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ; tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định *“Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố”*.

Điều 309 của Bộ luật Dân sự quy định *“Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”*.

Công ty SAWAD và ông P giao kết hợp đồng cầm cố tài sản số P2M220701017NA17X, tại Điều 2 của hợp đồng quy định: *“... đồng ý nhận tài sản cầm cố của khách hàng và cho khách hàng cầm cố số tiền là 14.000.000 đồng”*.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: mặc dù hình thức của hợp đồng số P2M220701017NA17X là hợp đồng cầm cố tài sản nhưng nội dung của hợp đồng là thỏa thuận về việc Công ty SAWAD cho ông P vay số tiền 14.000.000 đồng và việc ông P cầm cố chiếc xe Honda WINER mang biển số 85B1-583.94 cho Công ty SAWAD thông qua hợp đồng này là phương thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ đã vay; Tại Điều 4 của hợp đồng có thỏa thuận về mức lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn tương ứng 150% lãi suất cầm cố trong hạn, các loại phí khác và phạt vi phạm hợp đồng, các khoản thu này được tính theo mức %/tháng/dư nợ thực tế; cho thấy, công ty SAWAD đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để tính lãi, phí và phạt hợp đồng nhằm mục thu lãi từ việc cho vay và việc ông P cầm cố xe để nhận tiền và viết giấy mượn lại xe để dùng làm phương tiện đi lại thực chất là để che đậy mục đích giao dịch thật sự giữa hai bên là vay tiền có tính lãi. Vì vậy, có cơ sở xác định mục đích và nội dung hợp đồng được ký kết giữa các bên là: Hợp đồng vay có cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản.

Công ty SAWAD đã giải ngân đủ số tiền cho ông Nguyễn Duy P theo Hợp đồng số P2M220701017NA17X ngày 12/7/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P chỉ thanh toán được một phần tiền cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Công ty SAWAD khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc **11.847.862** đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Theo nội dung của Hợp đồng số P2M220701017NA17X ngày 12/7/2022, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 12/7/2022 đến hết ngày 12/7/2023, lãi suất cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn tương ứng 150% lãi suất trong hạn. Hàng tháng ông P có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.291.528,79 đồng. Từ ngày 10/8/2022 đến 14/9/2022, ông P đã thanh toán được số tiền 3.172.000 đồng cho Công ty mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Kể từ sau ngày 14/9/2022 đến nay, ông P vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng; do vậy từ ngày 12/10/2022 Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông P chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S tính đến ngày 17/9/2024 là 20.122.242 đồng, gồm tiền gốc: 11.847.862 đồng; lãi trong hạn: 1,1 %/tháng: 733.855 đồng; lãi suất quá hạn hợp đồng: 4.600.525 đồng.; phí mượn xe: 2.940.000 đồng.

Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần S là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về xử lý tài sản cầm cố: Tại Điều 5 phụ lục hợp đồng cầm cố (kèm theo Hợp đồng cầm cố số P2M220701017NA17X ngày 22/7/2022 có quy định về việc xử lý tài sản cầm cố nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nội dung hợp đồng mượn xe:

Ngày 12/7/2022, ông Nguyễn Duy P ký giấy ủy quyền cho Công ty SAWAD thay mặt ông P “*quản lý, sử dụng, định đoạt (Cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng của tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác tài sản*”; Cùng ngày, ông P ký giấy mượn lại chiếc xe Honda WINER mang biển số 85B1-583.94 và được phía Công ty chấp nhận. Theo thỏa thuận tại giấy mượn xe, ông P có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn với số tiền 294.000 đồng mỗi tháng trong thời gian 12 tháng (từ ngày 12/7/2022 đến ngày 12/7/2023). Từ ngày 10/8/2022 đến 14/9/2022, ông P đã thanh toán cho Công ty phí mượn lại xe trong 02 tháng mà không có thắc mắc, khiếu nại gì. Từ sau ngày 14/9/2022, ông P không tiếp tục trả phí mượn xe cho công ty là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự. Do đó, Công ty SAWAD khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả số tiền phí khi mượn lại xe với số tiền 2.940.000 đồng tương ứng với thời hạn còn lại trong hợp đồng mượn xe mà hai bên đã thỏa thuận là phù hợp, nên chấp nhận.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc buộc ông Nguyễn Duy P phải trả số tiền còn nợ là 20.122.242 đồng (*Hai mươi triệu một trăm hai mươi hai nghìn hai trăm*

bốn mươi hai đồng), gồm tiền gốc: 11.847.862 đồng; lãi trong hạn: 733.855 đồng; lãi suất quá hạn: 4.600.525 đồng; Phí mượn xe: 2.940.000 đồng.

Ngay sau khi ông P thanh toán hết nợ, Công ty có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008577 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/10/2018 cho ông P.

[3] Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Duy P tham gia tố tụng hợp lệ nhưng Phương vắng mặt không có lý do. Do đó, ông P đã tự bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 314, Điều 315, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Duy P phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là: 20.122.242 đồng (*Hai mươi triệu một trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng*), gồm tiền gốc: 11.847.862 đồng; lãi trong hạn: 733.855 đồng; lãi quá hạn: 4.600.525 đồng; Phí mượn xe: 2.940.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; ông Nguyễn Duy P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi ông P thanh toán hết nợ, Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008577 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/10/2018 cho ông P.

Về xử lý tài sản cầm cố: Công ty Cổ phần S không yêu cầu giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về các nội dung buộc ông Nguyễn Duy P phải giao trả lại chiếc xe hiệu Honda WINER mang biển số 85B1-

583.94 đã cầm cố; số tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng tương ứng số tiền: 333.570,61 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng (8%) tương ứng số tiền: 6.461.088 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Duy P phải chịu: 1.006.000 đồng (*Một triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 538.000 đồng (*Năm trăm ba mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000748 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR - TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát